

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN	05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 thì Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đầu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đầu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

Hội đồng quản trị	Chức vụ
Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Thanh Giảng	Ủy viên
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ban Giám đốc	Chức vụ
Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Đoàn Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Quyết	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng

Trụ sở chính

Địa chỉ : 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

Địa chỉ giao dịch hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội

Tel : (84-4) 355 408 45

Fax : (84-4) 355 408 47

Mã số thuế : 0100109674

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Lê Hoàng Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Số: -13/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa đánh giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để xem xét việc trích lập dự phòng và chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 11 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam giữ 10 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 01a - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.884.475.186	433.105.668.899
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.631.230.990	66.799.504.417
1. Tiền	111	V.1	28.631.230.990	66.799.504.417
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.953.382.827	216.003.897.945
1. Phải thu của khách hàng	131	VII.2.1	144.719.524.554	140.158.020.140
2. Trả trước cho người bán	132	VII.2.2	37.407.500.371	8.881.880.609
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	79.326.357.902	83.463.997.196
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		135.749.131.298	138.409.276.651
1. Hàng tồn kho	141	V.4	135.749.131.298	138.409.276.651
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.550.730.071	9.892.989.886
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.358.762.842
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	2.647.356.488	2.492.821.309
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.3	5.903.373.583	5.041.405.735
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		268.692.201.175	263.182.401.379
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.012.344.017	14.048.257.197
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	9.901.132.254	11.937.045.434
- Nguyên giá	222		14.961.835.959	15.732.356.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.060.703.705)	(3.795.310.817)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	2.111.211.763	2.111.211.763
III. Bất động sản đầu tư	240	V.8	919.092.000	919.092.000
- Nguyên giá	241		919.092.000	919.092.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	255.205.200.000	247.324.770.000
1. Đầu tư vào Công ty con	251		146.682.200.000	138.801.770.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		25.300.000.000	25.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		83.223.000.000	83.223.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		555.565.158	890.282.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	555.565.158	890.282.182
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		686.576.676.361	696.288.070.278

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 01a - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013***(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		420.673.438.919	431.505.001.464
I. Nợ ngắn hạn	310		415.639.470.453	427.582.595.500
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	99.613.993.929	81.455.982.816
2. Phải trả người bán	312	VII.2.4	169.027.402.153	194.883.527.308
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.2.5	126.321.297.276	119.549.147.150
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	367.693.537	55.168.198
6. Chi phí phải trả	316	V.13	10.366.001.214	12.629.768.361
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	4.155.169.778	14.041.060.844
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.787.912.566	4.967.940.823
II. Nợ dài hạn	330		5.033.968.466	3.922.405.964
1. Phải trả dài hạn người bán	331	VII.2.6	5.000.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	-	3.863.209.040
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16	33.968.466	59.196.924
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		265.903.237.442	264.783.068.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	265.903.237.442	264.783.068.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		(21.066.057.403)	(20.556.210.837)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.798.167.736	15.598.167.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.660.300.000	3.160.300.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.731.800.709	2.801.785.515
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		686.576.676.361	696.288.070.278

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013***CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM****Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)*

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		256.517.102.872	374.664.775.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.18	256.517.102.872	374.664.775.759
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	242.448.787.934	361.105.195.245
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.068.314.938	13.559.580.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	1.240.455.814	24.675.907.888
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	4.463.955.355	19.454.453.161
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.463.955.355	19.454.453.161
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.7	8.722.019.764	8.057.893.446
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		2.122.795.633	10.723.141.795
11. Thu nhập khác	31	VII.2.8	1.584.359.074	76.170.078
12. Chi phí khác	32	VII.2.9	1.000.582.456	715.531.964
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		583.776.618	(639.361.886)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.706.572.251	10.083.779.909
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.22	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.23	(25.228.458)	(232.662.732)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.731.800.709	10.316.442.641

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 03a - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)***Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ &	01		282.922.807.670	438.455.844.195
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(303.594.943.522)	(342.580.133.987)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.502.175.187)	(2.635.344.257)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(4.463.955.355)	(19.454.453.161)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(3.567.624)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.285.510.184	109.636.622.017
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.617.846.740)	(73.058.539.933)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.970.602.950)	110.360.427.250
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các Tài sản dài hạn khác	21		(47.000.000)	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		83.127.116	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(30.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	34.000.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(7.880.430.000)	(105.700.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	120.541.780.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.240.455.814	1.339.389.115
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.603.847.070)	20.181.169.115
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		179.563.802.539	107.512.440.263
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(165.269.000.466)	(259.368.819.552)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.888.625.480)	(81.517.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.406.176.593	(151.937.896.289)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(38.168.273.427)	(21.396.299.924)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 03a - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp trực tiếp)***Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		66.799.504.417	47.125.333.855
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	28.631.230.990	25.729.033.931

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Thị Hải Yến****Lê Hoài Thu****Lê Hoàng Anh***(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Vietnam Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Vietnam.,JSC, tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước. Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sau đó Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí. Ngày 16 tháng 01 năm 2013 thì Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 16/01/2013 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)**

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2013.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)****Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh.**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	05 - 10
- Máy móc thiết bị	02 - 07
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con (*Công ty CPĐT & XD Hồng Hà Số 1; Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí; Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ; Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn*), đầu tư vào Công ty liên kết (*Công ty CP Sóng Đáy Hồng Hà Dầu khí*) và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Trong đó, Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh và góp vốn vào Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí công trình, thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng, biên bản bàn giao nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là số cổ phiếu mua lại theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND, theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND và theo nghị quyết số 01-1/2013/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 16/01/2013 công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 114.000 cổ phiếu với tổng giá trị 509.846.566 VND.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê máy móc thiết bị và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**12.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)**

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Riêng, khoản phải thu khác của Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào tại thời điểm 30/06/2013 là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK được ký kết giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) với Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào với thời hạn cho vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 với lãi suất thời điểm tính bằng mức trung bình lãi suất cho vay tổ chức của bốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà nước tương ứng tại thời điểm chốt lãi trừ đi 1%/năm. (Trong đó: nợ gốc cho vay là 55 tỷ đồng; lãi vay phát sinh từ ngày 31/1/2010 đến ngày 31/12/2011 là 6.025.555.900 VND). Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng trên số tiền lãi phải thu của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào mà chỉ thực hiện trích lập dự phòng bằng 30% số tiền nợ gốc cho vay đã quá hạn thanh toán 17 tháng với giá trị là 16.500.000.000 VND.

12.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng tòa nhà văn phòng 407 Nguyễn An Ninh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định.

12.4. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê thiết bị.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****1. Tiền**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	74.958.857	226.494.786
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	28.556.272.133	66.573.009.631
VND	28.556.272.133	66.573.009.631
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	18.678.845.524	42.699.510.809
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	9.877.426.609	23.873.498.822
Tổng cộng	28.631.230.990	66.799.504.417

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (%/tháng)	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
<i>Đầu tư ngắn hạn</i>			-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác			-	2.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	06	1,08%	-	2.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội</i>				
Tổng cộng			-	2.000.000.000

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào (i)	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn (ii)	-	3.295.861.000
Công ty TNHH Phong Thịnh (iii)	11.347.160.000	11.347.160.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	3.516.712.012	4.358.490.306
Tổng cộng	79.326.357.902	83.463.997.196

(i) Là khoản cho Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012 và lãi vay. Trong đó nợ gốc là 55.000.000.000 VND và lãi vay là 6.025.555.900 VND.

(ii) Là khoản thu gốc và lãi khoản đầu tư theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2011 ngày 30/06/2011 thời hạn thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chia thành 03 lần. Hết thời hạn thanh toán lần 3, khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả không quá 30 ngày, mức lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn cho Doanh nghiệp vay thời hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại thời điểm trả lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)**

(iii) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quảng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

(iv) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo hợp đồng số 122/2009 ngày 02/06/2009.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	135.749.131.298	138.409.276.651
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	135.749.131.298	138.409.276.651

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 30/06/2013 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Chung cư cao tầng CT9 Văn Phú; Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều;...

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.492.821.309	2.492.821.309
Thuế GTGT nộp thừa	154.535.179	-
Tổng cộng	2.647.356.488	2.492.821.309

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	2.111.211.763	2.111.211.763
Tổng cộng	2.111.211.763	2.111.211.763

7. Bất động sản đầu tư

	01/01/2013	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2013
Khoản mục				
Nguyên giá	919.092.000	-	-	919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000	-	-	919.092.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	919.092.000			919.092.000
Quyền sử dụng đất	919.092.000			919.092.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2013	38.095.827	11.432.474.496	3.862.195.785	399.590.143	15.732.356.251
- Mua trong kỳ	-	-	-	42.727.273	42.727.273
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(30.547.441)	-	-	(30.547.441)
- Giảm khác (*)	-	(704.703.457)	-	(77.996.667)	(782.700.124)
- Số dư ngày 30/06/2013	38.095.827	10.697.223.598	3.862.195.785	364.320.749	14.961.835.959
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2013	12.698.609	790.092.256	2.661.595.909	330.924.043	3.795.310.817
- Khấu hao trong kỳ	19.047.913	1.151.519.459	325.165.813	35.412.600	1.531.145.785
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.423.419)	-	-	(15.423.419)
- Giảm khác (*)	-	(187.770.011)	-	(62.559.467)	(250.329.478)
- Số dư ngày 30/06/2013	31.746.522	1.738.418.285	2.986.761.722	303.777.176	5.060.703.705
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2013	25.397.218	10.642.382.240	1.200.599.876	68.666.100	11.937.045.434
- Tại ngày 30/06/2013	6.349.305	8.958.805.313	875.434.063	60.543.573	9.901.132.254

(*): Giảm khác do máy móc thiết bị bị mất và phân loại thiết bị dụng cụ quản lý sang chi phí trả trước dài hạn

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 274.093.475 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty con		146.682.200.000		138.801.770.000
Công ty CPĐT & XD Hồng Hà Số 1	906.000	9.060.000.000	906.000	9.060.000.000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	8.158.043	126.830.430.000	7.490.000	120.150.000.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí: Công ty góp thêm vốn đầu tư.</i>				
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	244.575	2.591.770.000	244.575	2.591.770.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ: Công ty góp thêm vốn đầu tư.</i>				
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	820.000	8.200.000.000	700.000	7.000.000.000
<i>Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn: Công ty mua bổ sung cổ phần.</i>				
Đầu tư vào Công ty liên kết		25.300.000.000		25.300.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	2.530.000	25.300.000.000	2.530.000	25.300.000.000
Đầu tư dài hạn khác		83.223.000.000		83.223.000.000
Công ty CP KD Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	19,05%	4.200.500.000
Công ty Chackkaphanh Mining	20,00%	77.022.500.000	20,00%	77.022.500.000
Công ty CP XNK thủy sản Quảng Ninh	9,98%	2.000.000.000	9,98%	2.000.000.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	555.565.158	890.282.182
Tổng cộng	555.565.158	890.282.182

11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	41.467.707.707	12.882.081.514
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	58.146.286.222	68.573.901.302
Tổng cộng	99.613.993.929	81.455.982.816

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)*

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16.13.003.5466.TD ngày 28/01/2013. Trong đó, Các điều kiện và Điều khoản Chung được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và ngắn hạn số 99.09.003.5466.DKTD ngày 06/08/2009. Doanh số cho vay tối đa của các khoản tín dụng là 237.000.000.000 VND. Hạn mức công trình: 48.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 06/10/2015. Ngày đáo hạn đối với khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân các khoản vay thuộc hạn mức tín dụng tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất tại thời điểm giải ngân được xác định trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng đã được phê duyệt và chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội. Lãi suất áp dụng cho từng khoản Vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ. Kỳ tính lãi theo tháng. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 84.13.003.5466.TD ngày 10/6/2013. Trong đó, Các điều kiện và Điều khoản Chung được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và ngắn hạn số 99.09.003.5466.DKTD ngày 06/8/2009. Doanh số cho vay tối đa của các khoản tín dụng là 23.000.000.000 VND. Hạn mức công trình: 8.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/08/2013. Ngày đáo hạn đối với khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân các khoản vay thuộc hạn mức tín dụng tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất tại thời điểm giải ngân được xác định trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng đã được phê duyệt và chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội. Lãi suất áp dụng cho từng khoản Vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ. Kỳ tính lãi theo tháng. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 85.13.003.5466.TD ngày 10/6/2013. Trong đó, Các điều kiện và Điều khoản Chung được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và ngắn hạn số 99.09.003.5466.DKTD ngày 06/8/2009. Doanh số cho vay tối đa của các khoản tín dụng là 57.500.000.000 VND. Hạn mức công trình: 23.000.000.000 VND. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/08/2013. Ngày đáo hạn đối với khoản tín dụng dưới hình thức giải ngân các khoản vay thuộc hạn mức tín dụng tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất tại thời điểm giải ngân được xác định trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng đã được phê duyệt và chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân đội. Lãi suất áp dụng cho từng khoản Vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ. Kỳ tính lãi theo tháng. Biện pháp đảm bảo khoản vay: bằng tài sản đảm bảo của bên vay theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam theo:

- Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 2012/HH-HĐTDNTBVK-1) ngày 24/12/2012. Theo đó: tổng số tiền cho vay: 55.000.000.000 VND. Tổng dư nợ cho vay ngắn hạn của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào không vượt quá 100.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng tối đa là 06 tháng/01 khoản vay. Lãi suất áp dụng: quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo khoản vay: quyền tài sản phát sinh từ quyền đòi nợ thuộc sở hữu của công ty CP Hồng Hà Việt Nam phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số XL01/2009/HĐKT-XD ngày 15/10/2009.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/HĐTDCTVK-NH/2012 ngày 24/12/2012. Tổng số tiền vay: 40.000.000.000 VND. Mục đích vay: vay thi công công trình Bệnh viện K cơ sở Tân Triều. Thời hạn vay tối đa: 06 tháng. Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 13%/năm. Ngày tính lãi là ngày 23 hàng tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	367.693.537	55.168.198
Tổng cộng	367.693.537	55.168.198

13. Chi phí phải trả

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	10.366.001.214	12.629.768.361
Tổng cộng	10.366.001.214	12.629.768.361

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	184.928.612	228.333.612
Trả hộ cho Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới số 1	61.627.220	1.497.628.985
Cổ tức phải trả	723.111.000	7.961.455.000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390.000.000	390.000.000
Các đối tượng khác	2.795.502.946	3.963.643.247
Tổng cộng	4.155.169.778	14.041.060.844

15. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	-	3.863.209.040
Tổng cộng	-	3.863.209.040

(i) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466. TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.

16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	33.968.466	59.196.924
Tổng cộng	33.968.466	59.196.924

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND								
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2012	200.000.000.000	59.696.774.500	(20.556.210.837)	10.598.167.736	2.160.300.000	4.082.251.900	14.743.993.374	270.725.276.673
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.352.373.021	2.352.373.021
Tăng khác (i)	-	-	-	5.000.000.000	1.000.000.000	-	449.412.494	6.449.412.494
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(14.743.993.374)	(14.743.993.374)
Số dư ngày 01/01/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(20.556.210.837)	15.598.167.736	3.160.300.000	4.082.251.900	2.801.785.515	264.783.068.814
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	2.731.800.709	2.731.800.709
Tăng khác	-	-	(509.846.566)	1.200.000.000	500.000.000	-	-	1.190.153.434
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.801.785.515)	(2.801.785.515)
Số dư ngày 30/06/2013	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.066.057.403)	16.798.167.736	3.660.300.000	4.082.251.900	2.731.800.709	265.903.237.442

(i) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng do điều chỉnh lợi nhuận từ Công ty TNHH MTV Hồng Hà Hà Nội về Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Lê Hoàng Anh	2.571.000.000	2.571.000.000
Hoàng Quốc Huy	1.879.600.000	1.879.600.000
Đoàn Thị Bích Hà	1.311.000.000	1.311.000.000
Cổ phiếu quỹ	19.000.000.000	17.860.000.000
Các cổ đông khác	163.238.400.000	164.378.400.000
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 Cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	18.100.000	18.214.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.100.000</i>	<i>18.214.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.900.000	1.786.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.214.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.100.000</i>	<i>18.214.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ****18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	256.113.352.874	374.664.775.759
Doanh thu hoạt động khác	403.749.998	-
Tổng cộng	256.517.102.872	374.664.775.759

19. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	242.064.324.424	361.105.195.245
Giá vốn hoạt động khác	384.463.510	-
Tổng cộng	242.448.787.934	361.105.195.245

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	184.554.814	407.944.671
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.055.901.000	573.000.000
Doanh thu từ chuyển nhượng vốn	-	6.968.220.000
Lãi cho vay vốn thi công	-	16.726.743.217
Tổng cộng	1.240.455.814	24.675.907.888

21. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi trái phiếu	-	9.352.777.778
Chi phí lãi vay	4.463.955.355	9.323.480.383
Chi phí tài chính khác	-	778.195.000
Tổng cộng	4.463.955.355	19.454.453.161

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	258.286.016.760	399.774.504.652
Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phân bổ	100.913.832	-
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	256.626.875.046	388.962.262.382
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.760.055.546	10.812.242.270
Chuyển lỗ vào thu nhập chịu thuế trong kỳ	(1.760.055.546)	(10.812.242.270)
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	100.913.832	930.650.928
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.228.458	232.662.732

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	185.583.812.140	269.700.589.777
Chi phí nhân công	43.833.893.761	8.454.798.248
Chi phí máy thi công	3.178.849.421	2.891.371.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.531.145.785	381.110.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	14.427.466.238	10.055.449.010
Tổng cộng	248.555.167.345	291.483.318.693

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***26. Báo cáo bộ phận****26.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
1. Doanh thu bán hàng	145.227.414.801	14.845.903.709	96.443.784.362	256.517.102.872	-	256.517.102.872
2. Giá vốn hàng bán	134.415.834.477	14.686.553.947	93.346.399.510	242.448.787.934	-	242.448.787.934
Lợi nhuận gộp	10.811.580.324	159.349.762	3.097.384.852	14.068.314.938	-	14.068.314.938

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

26.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là xây lắp, chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	597.348.530.160	9.736.929.990	79.491.216.211	686.576.676.361	-	686.576.676.361
Tổng tài sản	597.348.530.160	9.736.929.990	79.491.216.211	686.576.676.361	-	686.576.676.361
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	414.453.774.668	390.000.000	5.829.664.251	420.673.438.919	-	420.673.438.919
Tổng nợ phải trả	414.453.774.668	390.000.000	5.829.664.251	420.673.438.919	-	420.673.438.919

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Tài sản						
Tài sản bộ phận	606.741.435.582	9.736.929.990	79.809.704.706	696.288.070.278	-	696.288.070.278
Tổng tài sản	606.741.435.582	9.736.929.990	79.809.704.706	696.288.070.278	-	696.288.070.278
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	417.772.934.232	390.000.000	13.342.067.232	431.505.001.464	-	431.505.001.464
Tổng nợ phải trả	417.772.934.232	390.000.000	13.342.067.232	431.505.001.464	-	431.505.001.464

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	256.113.352.874	-	403.749.998	256.517.102.872	-	256.517.102.872
Doanh thu hoạt động tài chính	1.240.455.814	-	-	1.240.455.814	-	1.240.455.814
Chi phí sản xuất kinh doanh	255.250.299.543	-	384.463.510	255.634.763.053	-	255.634.763.053
- Giá vốn hàng bán	242.064.324.424	-	384.463.510	242.448.787.934	-	242.448.787.934
- Chi phí tài chính	4.463.955.355	-	-	4.463.955.355	-	4.463.955.355
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.722.019.764	-	-	8.722.019.764	-	8.722.019.764
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.103.509.145	-	19.286.488	2.122.795.633	-	2.122.795.633
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	572.991.549	-	10.785.069	583.776.618	-	583.776.618
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	2.676.500.694	-	30.071.557	2.706.572.251	-	2.706.572.251

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng BDS	Khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1 + 2 + 3)	(5)	(6 = 4 + 5)
Doanh thu thuần	374.664.775.759	-	-	374.664.775.759	-	374.664.775.759
Doanh thu hoạt động tài chính	1.041.975.671	-	23.633.932.217	24.675.907.888	-	24.675.907.888
Chi phí sản xuất kinh doanh	378.593.156.480	-	10.024.385.372	388.617.541.852	-	388.617.541.852
- Giá vốn hàng bán	361.105.195.245	-	-	361.105.195.245	-	361.105.195.245
- Chi phí tài chính	10.054.489.383	-	9.399.963.778	19.454.453.161	-	19.454.453.161
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.433.471.852	-	624.421.594	8.057.893.446	-	8.057.893.446
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.886.405.050)	-	13.609.546.845	10.723.141.795	-	10.723.141.795
Lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	6.506.048.412	6.506.048.412	-	6.506.048.412
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(2.886.405.050)	-	20.115.595.257	17.229.190.207	-	17.229.190.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***27. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.631.230.990	66.799.504.417
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	207.545.882.456	207.122.017.336
Đầu tư tài chính dài hạn	83.223.000.000	83.223.000.000
Tổng cộng	319.400.113.446	359.144.521.753

Công nợ tài chính

Các khoản vay	99.613.993.929	85.319.191.856
Phải trả người bán và phải trả khác	173.182.571.931	208.924.588.152
Chi phí phải trả	10.366.001.214	12.629.768.361
Tổng Cộng	283.162.567.074	306.873.548.369

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	173.182.571.931	-	173.182.571.931
Chi phí phải trả	10.366.001.214	-	10.366.001.214
Các khoản vay	99.613.993.929	-	99.613.993.929

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	208.924.588.152	-	208.924.588.152
Chi phí phải trả	12.629.768.361	-	12.629.768.361
Các khoản vay	81.455.982.816	3.863.209.040	85.319.191.856

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức **cao**. **Tuy nhiên** Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)*

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.631.230.990	-	28.631.230.990
Các khoản đầu tư tài chính	-	83.223.000.000	83.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	207.545.882.456	-	207.545.882.456
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.799.504.417	-	66.799.504.417
Các khoản đầu tư tài chính	2.000.000.000	83.223.000.000	85.223.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	207.122.017.336	-	207.122.017.336

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin với các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND	VND
Doanh thu		113.981.818	-
Công ty Cổ phần ĐT & XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	113.981.818	-
Doanh thu hoạt động tài chính		906.000.000	453.000.000
Công ty Cổ phần ĐT & XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	906.000.000	453.000.000
Chi phí		112.642.646.508	117.999.369.807
Công ty Cổ phần ĐT & XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	53.382.559.153	51.652.066.704
Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	496.664.900	697.375.682
Công ty Cổ phần Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	58.763.422.455	65.649.927.421
Chi phí tài chính		-	778.195.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	-	778.195.000

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
Phải thu của khách hàng		125.380.000	-
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	125.380.000	-
Trả trước cho người bán		24.925.071.779	7.443.578.197
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	4.532.668.834	2.722.579.359
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	19.914.798.695	4.075.139.428
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	477.604.250	645.859.410

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)*

Phải trả người bán		50.109.550.721	76.346.395.510
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	41.010.427.131	58.259.522.585
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	9.099.123.590	18.031.630.925
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con		55.242.000

1.3 Thu nhập Ban Giám đốc

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lương	1.188.500.000	1.417.713.017
Các khoản phúc lợi khác	6.000.000	-
Tổng cộng	1.194.500.000	1.417.713.017

2. Các thông tin khác**2.1 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bệnh viện K	29.765.058.848	189.580.847
Bộ Tài nguyên Môi trường	18.247.462.709	27.039.058.806
Khu chung cư CT9 Văn Phú	18.569.449.135	-
Bệnh viện Răng Hàm Mặt TPHCM	7.402.501.100	12.560.412.909
Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận	6.649.158.582	2.290.478.720
Công ty TNHH Cát Tường	6.000.000.000	6.000.000.000
Viện sốt rét côn trùng Quy Nhơn	5.396.394.000	5.396.394.000
Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	4.769.819.184	4.769.819.184
Đối tượng khác	47.919.680.996	81.912.275.674
Tổng cộng	144.719.524.554	140.158.020.140

2.2 Trả trước cho người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	19.914.798.695	4.075.139.428
Trương Trung Nghĩa	8.750.973.723	-
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	4.532.668.834	2.722.579.359
Lê Quốc Tuấn	1.708.506.045	1.810.220.045
Vũ Hoàng Nam	1.401.064.789	176.965.621
Nguyễn Hải Sơn	57.883.421	57.883.421
Đối tượng khác	1.041.604.864	39.092.735
Tổng cộng	37.407.500.371	8.881.880.609

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 540 845

Fax: (84-4) 35 540 847

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013

đến 30/06/2013

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)***2.3 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.903.373.583	5.041.405.735
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.903.364.504	5.018.050.906
Ký quỹ bảo lãnh NHTMCP Công thương Việt Nam	9.079	23.354.829
Tổng cộng	5.903.373.583	5.041.405.735

2.4 Phải trả người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	36.010.427.131	59.432.485.258
Nguyễn Sơn Cương	29.933.821.155	20.670.460.902
Phạm Vinh Hiền	13.319.010.902	8.495.852.815
Lê Quốc Tuấn	11.953.437.235	16.691.810.697
Nguyễn Phúc Thịnh	10.785.668.468	13.261.670.018
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	9.099.123.590	17.976.040.225
Đối tượng khác	57.925.913.672	58.355.207.393
Tổng cộng	169.027.402.153	194.883.527.308

2.5 Người mua trả tiền trước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai (Phần thân)	39.433.271.000	26.042.515.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ba Đình	22.718.296.789	17.718.296.789
Bệnh viện Chợ Rẫy - Trung Tâm Ung Bướu	19.998.893.600	32.120.298.000
Bệnh viện chăm cứu Trung ương	13.389.541.000	8.733.257.880
Trường ĐH công nghệ thông tin	10.974.899.777	-
Đối tượng khác	19.806.395.110	34.934.779.481
Tổng cộng	126.321.297.276	119.549.147.150

2.6 Phải trả dài hạn người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	5.000.000.000	-
Tổng cộng	5.000.000.000	-

2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.630.426.798	3.494.436.115
Chi phí dụng cụ đồ dùng	448.267.424	79.153.113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013***(tiếp theo)*

Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.393.000	381.110.412
Thuế, phí, lệ phí	159.891.690	52.575.450
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.506.245.556	3.218.714.770
Chi phí bằng tiền khác	622.795.296	831.903.586
Tổng cộng	8.722.019.764	8.057.893.446

2.8 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	25.909.091	-
Thu nhập khác	1.558.449.983	76.170.078
Tổng cộng	1.584.359.074	76.170.078

2.9 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	15.124.022	-
Chi phí khác	985.458.434	715.531.964
Tổng cộng	1.000.582.456	715.531.964

3. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 của Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Lê Hoàng Anh